

KẾT QUA THỐNG KÊ CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CỦA CBVC TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
Năm học 2012-2013

TT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị	Bộ môn/ Trung tâm	HĐ cấp Khoa, Bộ môn	Hướng dẫn	Đề tài cấp Bộ môn	Đề tài cấp Khoa	Đề tài cấp		Đề tài/Dự án cấp Tỉnh			Đề tài/Dự án/ Nhiệm vụ cấp Bộ			Đề tài/Dự án cấp Nhà nước			Đề tài/Dự án mang yếu tố nước ngoài			Bài báo đăng trên tạp chí					Kỹ yếu Hội nghị KH			Phát triển CTĐT	Xây dựng đề thi trắc nghiệm	Dịch tài liệu (trang)	Viết giáo trình	Viết bài giảng	Tài liệu tham khảo; Chuyên khảo	Hợp đồng KH CN	Bảng độc quyền sáng chế	SỐ GIỜ KHOA HỌC			
						NCKHSV, Olympic, đội tuyển thể thao			Hoàn thành	Đạt giải	Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Trong nước					Quốc tế										Trong nước	Quốc tế	
						Tiếng việt																			Tiếng anh																	
																									Tạp chí Trường	Điểm CT<0,5	Điểm CT≥0,5	Điểm CT<0,5	Điểm CT≥0,5													
1	2	3	4	5		6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38		39		
1	Trần Văn Chứ	PGS,GVC,KG	Ban Giám hiệu												1									1		2				1										340		
2	Nguyễn Văn Tuấn	PGS,GVC,KG	Ban Giám hiệu				1								1		1							1								3								301		
3	Phạm Văn Chương	PGS,GVC,KG	Ban Giám hiệu												2								1	3											1,5		1,2			838		
4	Nguyễn Quang Hà	GVC,KG	Ban Giám hiệu													1	1				1																			247		
5	Phạm Văn Điển	PGS,GVC,KG	Ban Giám hiệu														3						1				3			1			1					2	1		740	
6	Phùng Nam Thắng	GV	Ban CNTT								1																														100	
7	Phạm Minh Toại	GV, KG	Đào tạo		0,8			1								1							1	0,5			0,5														245	
8	Phùng Văn Khoa	GV,KG	Đào tạo SDH							1			1		2	2	4			1																					511	
9	Nguyễn Văn Thiết	PGS,GVCC,KG	Đào tạo SDH									1			1		1																								189	
10	Phan Tùng Hưng	KS	Đào tạo SDH										1																												39	
11	Trần Quang Bảo	GV,KG	Phòng Đào tạo			1							2	1	1		6	1																							434	
12	Nguyễn Văn Hà	CV	Phòng Đào tạo							1																															100	
13	Lê Ngọc Hoàn	CV	Phòng Đào tạo							1																															100	
14	Trần Thị Hậu	CV	Phòng Đào tạo														1																								7	
15	Bùi Thế Đồi	GV,KG	Phòng KHCN&HTQT							1					2		2		1	1							6,5			0,5												941
16	Trịnh Hiền Mai	GV,KG	Phòng KHCN&HTQT										1	1							1								2												713	
17	Đỗ Thị Ngọc Bích	GVC,KG	Phòng KHCN&HTQT							1					1						3																				664	
18	Hoàng Ngọc Ý	GV,KG	Phòng KHCN&HTQT														1																						1		57	
19	Trần Việt Hồng	GVC,KG	Phòng KT&ĐBCL																1																			1		110		
20	Nguyễn Hữu Cường	GV,KG	Phòng KT&ĐBCL					1																																	30	
21	Vũ Văn Lương	KS	Phòng KT&ĐBCL														1																								28	
22	Lê Vũ Thanh	CV	Phòng QLTB và ĐT														1																								28	
23	Nguyễn Minh Hùng	CVC	Phòng QLTB và ĐT													1																									15	
24	Nguyễn Văn Quân	GCV,KG	Phòng TCCB																																		0,5				150	
25	Cao Quốc An	GV	Thư viện		1	2								1	4		2																								370	
26	Phạm Lê Hoa	CV	Thư viện							1																															100	
27	Phạm Bá Hanh	GV	Cơ sở 2												1		1																								51	
28	Vũ Thu Hương	GV	Cơ sở 2												1																										60	
29	Nguyễn Lê Quyền	GV	Cơ sở 2													1																									30	
30	Thái Hữu Thọ	GV	Cơ sở 2													1																									30	
31	Nguyễn Văn Thúy	GV	Cơ sở 2														1																								7	
32	Tô Bá Thanh	GV	Cơ sở 2														1																								7	
33	Nguyễn Xuân Hùng	GV	Cơ sở 2													1	1																								36	
34	Thái Văn Thành	GV	Cơ sở 2														1																								7	
35	Đoàn Hải	GV	Cơ sở 2														1																								14	
36	Trần Văn Hùng	GV	Cơ sở 2														1																								14	
37	Phạm Văn Hường	GV	Cơ sở 2														1																								7	
38	Đinh Thị Thu Thủy	GV	Cơ sở 2														1																								14	
39	Đinh Mạnh Hùng	CN	Cơ sở 2														1																								21	
40	Nguyễn Thị Hương Thảo	GV	Cơ sở 2														1																								14	
41	Nguyễn Trọng Kiên	GV	Chế biến lâm sản	CNĐM TKNT	0,6					1						4													1											1	616	
42	Nguyễn Thị Vĩnh Khánh	GV	Chế biến lâm sản	CNĐM TKNT	1,8	2			1																																164	
43	Lý Tuấn Trường	GV	Chế biến lâm sản	CNĐM&TKNT	4,2		1									1																									204	
44	Ngô Minh Điệp	GV	Chế biến lâm sản	CNĐM&TKNT	0,4			1	1							1																									113	
45	Hoàng Thị Thúy Nga	GV	Chế biến lâm sản	CNĐM&TKNT												2											1														128	

TT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị	Bộ môn/ Trung tâm	HĐ cấp Khoa, Bộ môn	Hướng dẫn NCKHSV, Olympic, Đội tuyển thể thao		Đề tài cấp Bộ môn	Đề tài cấp Khoa	Đề tài cấp Cơ sở		Đề tài/Dự án cấp Tỉnh			Đề tài/Dự án/ Nhiệm vụ cấp Bộ			Đề tài/Dự án cấp Nhà nước			Đề tài/Dự án mang yếu tố nước ngoài			Bài báo đăng trên tạp chí					Kỷ yếu Hội nghị KH		Phát triển CTĐT	Xây dựng đề thi trắc nghiệm	Dịch tài liệu (trang)	Viết giáo trình	Viết bài giảng	Tài liệu tham khảo; Chuyên khảo	Hợp đồng KH CN	Bảng độc quyền sáng chế	SỐ GIỜ KHOA HỌC									
						Hoàn thành	Đạt giải			Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Trong nước													Quốc tế	Trong nước	Quốc tế						
																											Tiếng việt																Tiếng anh					
																											Tạp chí Trường	Điểm CT<0,5	Điểm CT≥0,5	Điểm CT<0,5													Điểm CT≥0,5					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38		39									
46	Nguyễn Hải Hoàn	GV	Chế biến lâm sản	CNĐM&TKNT	1			1					1			2																									172							
47	Nguyễn Thị Phương Liên	GV	Chế biến lâm sản	CNĐM&TKNT	0,4			1								1																									63							
48	Phạm Thị Ánh Hồng	GV	Chế biến lâm sản	CNĐM&TKNT	0,6			1	1							1																									126							
49	Nguyễn Thị Hương Giang	GV	Chế biến lâm sản	CNĐM&TKNT											1																										30							
50	Nguyễn Thị Thắm	GV	Chế biến lâm sản	CNĐM&TKNT	0,8			1																1																	104							
51	Nguyễn Thị Yên	GV	Chế biến lâm sản	CNVNT												3								0,5		1						6									446							
52	Nguyễn Đức Thành	GV	Chế biến lâm sản	KHG									2																												114							
53	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	GV	Chế biến lâm sản	KHG	2,2								1	1																											183							
54	Vũ Huy Đại	GV	Chế biến lâm sản	KHG	2		1					1			2								1					1													724							
55	Tạ Thị Phương Hoa	GV	Chế biến lâm sản	KHG	1						1					2																									220							
56	Vũ Mạnh Tường	GV	Chế biến lâm sản	KHG	2,2					1						3	3																									259						
57	Phan Duy Hưng	GV	Chế biến lâm sản	KHG	1,2			1	3																			1													466							
58	Hoàng Việt	GVC	Chế biến lâm sản	Máy&TB	0,8			1		1								1						2								10			1						1.114							
59	Hoàng Tiến Đương	GVC	Chế biến lâm sản	Máy&TB																				2								8			1	1					950							
60	Trần Công Chi	GV	Chế biến lâm sản	Máy&TB				1					1			2																8									542							
61	Nguyễn Văn Diễn	CV	Chế biến lâm sản	Máy&TB						1				1		2	3																								239							
62	Vũ Khắc Bảy	GVC	Chế biến lâm sản	Toán	1,8					1																															154							
63	Nguyễn Thị Vân Hòa	GV	Chế biến lâm sản	Toán	1			2																																	90							
64	Nguyễn Thị Quyên	GV	Chế biến lâm sản	Toán	1,8																																				54							
65	Đỗ Thị Thúy Hằng	GV	Chế biến lâm sản	Toán	1			2																																	90							
66	Vũ Ngọc Triu	GV	Chế biến lâm sản	Toán				1																																	30							
67	Đỗ Kế Cường	GV	Chế biến lâm sản	Toán	1,8																																				54							
68	Nguyễn Trung Thành	GV	Chế biến lâm sản	Toán	0,8																																				24							
69	Nguyễn Thăng Long	GV	Chế biến lâm sản	Toán	0,8			2																																	84							
70	Đoàn Tử Bình	GV	Chế biến lâm sản	Toán				2																																	60							
71	Lê Xuân Phương	GV	Chế biến lâm sản	TTTH	1,8				1					1		1	2						1						2													783						
72	Trần Thị Yến	KSHDTH	Chế biến lâm sản	TTTH					1							3							1																		159							
73	Nguyễn Thị Loan	KSHDTH	Chế biến lâm sản	TTTH					2							1							1																		147							
74	Nguyễn Thế Nghiệp	KSHDTH	Chế biến lâm sản	TTTH					1				1			1	2																									184						
75	Phạm Thị Thu Hằng	KSHDTH	Chế biến lâm sản	TTTH									1			3																									112							
76	Nguyễn Tất Thắng	KSHDTH	Chế biến lâm sản	TTTH					1																																50							
77	Trần Thị Hợp	KSHDTH	Chế biến lâm sản	TTTH					1				1			1							1																		175							
78	Đinh Chí Anh	KSHDTH	Chế biến lâm sản	TTTH					1				1										1																		119							
79	Lê Ngọc Phước	KS	Chế biến lâm sản	TTTH							1			1		6																									170							
80	Phan Thị Thiên Thu	KSHDTH	Chế biến lâm sản	TTTH						1				1		4								1																		262						
81	Đinh Bá Bách	GV	Cơ điện và Công trình	CN&MCD	0,33																																											

TT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị	Bộ môn/ Trung tâm	HĐ cấp Khoa, Bộ môn	Hướng dẫn NCKHSV, Olimpic, Đội tuyển thể thao		Đề tài cấp Bộ môn	Đề tài cấp Khoa	Đề tài cấp Cơ sở		Đề tài/Dự án cấp Tỉnh			Đề tài/Dự án/ Nhiệm vụ cấp Bộ			Đề tài/Dự án cấp Nhà nước			Đề tài/Dự án mang yếu tố nước ngoài			Bài báo đăng trên tạp chí					Kỷ yếu Hội nghị KH			Phát triển CTĐT	Xây dựng đề thi trắc nghiệm	Dịch tài liệu (trang)	Viết giáo trình	Viết bài giảng	Tài liệu tham khảo; Chuyên khảo	Hợp đồng KH CN	Bảng độc quyền sáng chế	SỐ GIỜ KHOA HỌC			
						Hoàn thành	Đạt giải			Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Trong nước					Quốc tế	Trong nước	Quốc tế												
																								Tiếng việt			Tiếng anh																
																								Tạp chí Trường	Điểm CT<0,5	Điểm CT≥0,5	Điểm CT<0,5	Điểm CT≥0,5															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38		39				
97	Phạm Quang Thiện	GVC	Cơ điện và Công trình	KTCT	1,67														1										1												150		
98	Hoàng Hà	KS	Cơ điện và Công trình	TTTH	0,67				1																																70		
99	Nguyễn Văn Quân	KS	Cơ điện và Công trình	TTTH					1																																50		
100	Nguyễn Văn Tựu	GV	Cơ điện và Công trình	TTTH	1,33																		1																		140		
101	Trần Nho Thọ	KSHDTH	Cơ điện và Công trình	TTTH	0,67				1																																70		
102	Phạm Văn Lý	GVC	Cơ điện và Công trình	TTTH																																					50		
103	Bùi Thị Toàn Thư	GV	Cơ điện và Công trình	Vật lý	1,33			1			1																															100	
104	Dương Xuân Núi	GC	Cơ điện và Công trình	Vật lý	1			2																																		90	
105	Lưu Bích Linh	GV	Cơ điện và Công trình	Vật lý	0,33					1																																110	
106	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	GV	Cơ điện và Công trình	Vật lý						1														0,5					1	2												455	
107	Nguyễn Văn Hoà	GVC	Cơ điện và Công trình	Vật lý	1,67					1																											1					300	
108	Nguyễn Vũ Cẩm Bình	GV	Cơ điện và Công trình	Vật lý	1,33			1			1													0,5																		125	
109	Nguyễn Xuân Linh	GV	Cơ điện và Công trình	Vật lý	1,33			2																																	100		
110	Võ Mai Anh	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế	2,6	1								1		1							1		1																	326	
111	Trịnh Quang Thoại	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế	2,6	1				1							3																										256
112	Chu Thị Hồng Phượng	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế					1		1																															80	
113	Nguyễn Thị Ngọc Bích	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế					1															1																		100	
114	Lê Thị Xuân Thu	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế					1																																	50	
115	Nguyễn Thị Thùy	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế					1																																	50	
116	Trần Thị Tuyết	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế																																		1				150	
117	Nguyễn Văn Hợp	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế			1										1																									97	
118	Vũ Ngọc Chuẩn	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế				1	1								1																									94	
119	Chu Thị Thu	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế					1															1																		100	
120	Mai Quyên	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế																																		1				150	
121	Vũ Thị Minh Ngọc	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế					1															1																		350	
122	Nguyễn Thị Tiến	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế																																		1				150	
123	Ngô Thị Thủy	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế					1																																	50	
124	Hoàng Thị Dung	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế				1	1								1																									94	
125	Đặng Thị Hoa	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế		2											2							1	1	1																	271
126	Vũ Thị Thúy Hằng	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế		1			1																																		80
127	Ngô Thị Thủy	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế	2,2			1																																			96
128	Lê Minh Chính	GV	Kinh tế và QTKD	Kinh tế													1																										15
129	Trần Đình Cát	GV	Kinh tế và QTKD	Ngoại ngữ	2,6			2																																			138
130	Hồ Thị Xuân Hồng	GV	Kinh tế và QTKD	Ngoại ngữ				2																																			100
131	Nguyễn Thị Lan	GV	Kinh tế và QTKD	Ngoại ngữ	2,6			2																																			138
132																																											

TT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị	Bộ môn/ Trung tâm	HĐ cấp Khoa, Bộ môn	Hướng dẫn NCKHSV, Olympic, Đội tuyển thể thao		Đề tài cấp Bộ môn	Đề tài cấp Khoa	Đề tài cấp Cơ sở		Đề tài/Dự án cấp Tỉnh			Đề tài/Dự án/ Nhiệm vụ cấp Bộ			Đề tài/Dự án cấp Nhà nước			Đề tài/Dự án mang yếu tố nước ngoài			Bài báo đăng trên tạp chí					Kỹ yếu Hội nghị KH			Phát triển CTĐT	Xây dựng đề thi trắc nghiệm	Dịch tài liệu (trang)	Viết giáo trình	Viết bài giảng	Tài liệu tham khảo; Chuyên khảo	Hợp đồng KH CN	Bảng độc quyền sáng chế	SỐ GIỜ KHOA HỌC								
						Hoàn thành	Đạt giải			Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Trong nước														Quốc tế	Trong nước	Quốc tế					
																											Tiếng việt																	Tiếng anh				
																											Tạp chí Trường	Điểm CT<0,5	Điểm CT≥0,5	Điểm CT<0,5	Điểm CT≥0,5																	
1	2	3	4	5		6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38		39								
301	Nguyễn Như Ngọc	GV	Viện CNSH						1																																50							
302	Đỗ Quang Trung	GV	Viện CNSH						1																																50							
303	Khương Thị Thu Hương	GV	Viện CNSH																										1												250							
304	Nguyễn Quỳnh Trang	GV	Viện CNSH						1	1							1																								157							
305	Nguyễn Thị Hồng Gấm	GV	Viện CNSH		2,25	1	1			1								1									0,3														340							
306	Nguyễn Thị Minh Hằng	GV	Viện CNSH		0,5	2														1					1																158							
307	Nguyễn Thị Thu Hằng	GV	Viện CNSH		0,5		1		1											1					1		1														245							
308	Vũ Kim Dung	GV	Viện CNSH						1																		1														130							
309	Vũ Thị Huệ	KSHDTH	Viện CNSH			2	1		1								1								1		0,3														237							
310	Phùng Văn Phê	GV	Viện CNSH												1	1	1										2														233							
311	Vương Văn Quỳnh	GS,GVC,KG	Viện STR và MT						1			1			2		3																								492							
312	Trần Thị Trang	KS	Viện STR và MT									1			1	1		2																							213							
313	Lã Nguyên Khang	KS	Viện STR và MT											1	1		5																								114							
314	Lê Sỹ Doanh	KS	Viện STR và MT							1					1	2	3																								229							
315	Nguyễn Quang Giáp	KS	Viện STR và MT												2	2		2																							256							
316	Vũ Tiến Thịnh	GV	Viện STR và MT									1																													117							
317	Nguyễn Thế Hưởng	KS	Viện STR và MT														2																								41							
318	Nguyễn Văn Tuyên	KS	Viện STR và MT														2																								34							
319	Phạm Văn Duẩn	KS	Viện STR và MT											2			2																								85							
320	Nguyễn Văn Thị	KS	Viện STR và MT													1	5																								77							
321	Nguyễn Thị Mai Dương	KS	Viện STR và MT														2																								34							
322	Lê Thanh Sơn	KS	Viện STR và MT														4																								34							
323	Mai Thị Thanh Nhân	KS	Viện STR và MT													1	1																								22							
324	Lê Hồng Liên	KS	Viện STR và MT												1																										30							
325	Dương Văn Minh	KS	Viện STR và MT														1																								14							
326	Giang Trọng Toàn	KS	Viện STR và MT											1			2																								64							
327	Bùi Hùng Trịnh	KS	Viện STR và MT											1			1																								57							
328	Nguyễn Hữu Văn	KS	Viện STR và MT										1			2	1																								117							
	Tổng cộng				189	94	25	132	64	29	7	8	7	38	49	36	220	5	4	22	5	0	12	43	1	52	0	0	16	12	1	36	3	0	6	13	5	3	1	50.829								

Ghi chú:

1. Các số trong bảng là số lần tham gia hoạt động Khoa học công nghệ: Từ cột 6 đến cột 39
2. Định mức giờ NCKH theo loại công chức, theo ngạch, theo chức danh:

Ngạch, Chức danh	Khối chuyên môn	Khối cơ bản, ngoại ngữ, chính trị,
GS, GVCC	150	125
PGS, GVC	125	100
Giảng viên	100	80
Giảng viên tập sự	20	10
Giáo viên rèn nghề, KSHDTH	50	-
Giáo viên làm việc tại các Phòng ban (không có PCC)	40	-
Giáo viên hệ trung cấp	30	-

3. Chế độ miễn giảm: Thực hiện theo quy chế Chi tiêu nội bộ năm 2013

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG

ĐẠI HỌC

LÂM NGHIỆP

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Phạm Văn Chương